TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn M

2. Ông Trần Văn T1

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích T2 - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 4 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Trường A, sinh năm 1983 – Có mặt

Địa chỉ: Ấp Tân Th, xã Tân H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Thái Văn T3, sinh năm 1981– Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp An Hòa X, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị A và anh T3 cưới nhau vào năm 2005, hôn nhân do quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc với

nhau được gần 10 năm thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và ly thân năm 2013 đến năm 2016 thì chị A dọn ra sống nơi khác từ đó vợ chồng chính thức ly thân nhau cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị **A** trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh T3 ham mê cờ bạc không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc đời sống vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau rồi ly thân từ năm 2013 đến nay không về đoàn tụ được.

Về con chung: Chị A trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Thái Thị Thùy V, sinh ngày 16/9/2006 và Thái Gia H, sinh ngày 11/02/2013, hiện đang sống với chị A. Cháu Thùy V có bản khai ý kiến thể hiện nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Về tài sản chung: Chị A trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị A trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị A giữ yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn T3; Về con chung: Chị A yêu cầu được nuôi 02 con chung là Thái Thị Thùy V, sinh ngày 16/9/2006 và Thái Gia H, sinh ngày 11/02/2013, chị A yêu cầu anh T3 cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Thái Văn T3 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như ngày mở phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản ý kiến phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của chị A.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Thái Văn T3 đã được Tòa án tống đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho anh T3 đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T3 không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay chị A giữ yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn T3; Về con chung: Chị A yêu cầu được nuôi 02 con chung là

Thái Thị Thùy V, sinh ngày 16/9/2006 và Thái Gia H, sinh ngày 11/02/2013. Yêu cầu anh T3 cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật cho đến khi 02 cháu tròn 18 tuổi; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh T3 vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị A và anh T3 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long là đúng theo quy định pháp luật. Nên việc chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T3 là có cơ sở xem xét.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh T3 không lo làm ăn ham mê cờ bạc không quan tâm đời sống vợ con, trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và việc nuôi dạy con. Đến đầu năm 2016 thì vợ chồng chính thức không sống chung với nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc với nhau không giải quyết được mâu thuẫn nên không về đoàn tụ lại được. Hiện nay tình cảm vợ chồng chị A dành cho anh T3 không còn nữa và giữ yêu cầu ly hôn với anh T3.

Tại phiên tòa hôm nay anh T3 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh T3 đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về ngày xét xử vụ án hợp lệ đúng theo quy định nhưng anh T3 vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu của chị A thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay chị A đã xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Tình không còn nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh T3 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh T3 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Xét về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị A vẫn giữ yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu Thái Thị Thùy V, sinh ngày 16/9/2006 và Thái Gia H, sinh ngày 11/02/2013. Cháu Thùy V có nguyện vọng sống với chị A sau khi chị A và anh T3 ly hôn. Chị A yêu cầu anh T3 cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật.

Anh T3 vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng cho con của chị A.

Xét thấy trong cuộc sống hàng ngày anh T3 không quan tâm, chăm sóc đời sống cho vợ con, ham mê cờ bạc không lo làm ăn. Từ khi chị A và anh T3 ly thân nhau đến nay hai con do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T3 không liên lạc thăm hỏi gì hai con. Điều này cho thấy rằng anh T3 đối với vợ con thiếu trách nhiệm của một người cha, một người chồng. Từ khi Tòa án thông báo cho

anh T3 biết về yêu ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị A thì anh T3 đã không có văn bản ý kiến hay yêu cầu phản bác nào đối với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng cho con của chị A thì xem như anh T3 đã từ bỏ quyền lợi của mình.

Từ những luận điểm trên Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu nuôi hai con của chị A là phù hợp. Giao hai cháu Thái Thị Thùy V, sinh ngày 16/9/2006 và Thái Gia H, sinh ngày 11/02/2013 cho chị A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A yêu cầu anh T3 cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng cho hai con của chị A là có cơ sở xem xét và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Từ đó xét chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng cho hai con của chị A. Buộc anh Thái Văn T3 cấp dưỡng cho cháu Thái Thị Thùy V mỗi tháng 745.000 đồng/01 người con/tháng và cháu Thái Gia H mỗi tháng 745.000 đồng/01 người con/tháng cho đến khi hai cháu Thùy V và Gia H tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi hai con được thực hiện kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành.

Anh Thái Văn T3 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Xét về tài sản chung: Do anh T3 vắng mặt, chị A không có yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Do anh T3 vắng mặt, chị A không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0011851 ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Thái Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đỗ Thị Trường A;

- Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Trường A ly hôn với anh Thái Văn T3.

- Về con chung: Giao hai cháu Thái Thị Thùy V, sinh ngày 16/9/2006 và Thái Gia H, sinh ngày 11/02/2013 cho chị Trường A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Thái Văn T3 cấp dưỡng cho cháu Thái Thị Thùy V mỗi tháng 745.000 đồng/01 người con/tháng và cháu Thái Gia H mỗi tháng 745.000 đồng/01 người con/tháng cho đến khi hai cháu Thùy V và Gia H tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi hai con được thực hiện kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành.

Anh T3 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Do anh T3 vắng mặt, chị Trường A không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Do anh T3 vắng mặt, chị Trường A không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trường A phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0011851 ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Thái Văn T3 phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận *:*
- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện T : 02
- THADS huyện T: 01
- Nơi đăng ký kết hôn
- Đương sự
- Lưu: 03

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hồ Kim Liên